

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

-----

**ĐẶNG VŨ THẮNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC GIÁM SÁT TỪ XA  
HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG TẠI BAN KIỂM TRA VÀ  
GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI  
CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM**

**Chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng**

**Mã số: 60.34.02.01**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN  
THẠC SỸ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG**

**Đà Nẵng - Năm 2016**

Công trình được hoàn thành tại

**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. VÕ THỊ THÚY ANH**

**Phản biện 1: PGS.TS Nguyễn Hòa Nhân**

**Phản Biện 2: GS.TS Dương Thị Bình Minh**

Luận văn đã được bảo vệ trước hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 23 tháng 04 năm 2016

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm thông tin – học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Tín dụng là nghiệp vụ chủ yếu trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Nó đã, đang và sẽ là nguồn thu nhập lớn cho các Ngân hàng. Tuy nhiên, đi kèm với nó là rủi ro.

Một trong những mục tiêu lớn của NHTM là các rủi ro tín dụng phải được nhận dạng, đo lường, đánh giá thường xuyên, liên tục để kịp thời phát hiện, ngăn ngừa và có biện pháp xử lý phù hợp khi xảy ra.

Tình hình các Ngân hàng tại Việt Nam trong những năm gần đây có những dấu hiệu chuyển biến xấu. Nhiều Ngân hàng phải thực hiện tái cơ cấu, chịu sự kiểm soát đặc biệt hoặc thậm chí phải chịu sáp nhập vào các Ngân hàng lớn. Nguyên nhân chính đẩy các Ngân hàng vào tình trạng trên đều xuất phát từ việc không kiểm soát được rủi ro trong hoạt động tín dụng.

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam là một trong những Ngân hàng Thương mại lớn và thường xuyên được giao trọng trách kiểm soát đặc biệt các Ngân hàng Thương mại khác khi các Ngân hàng này lâm vào tình cảnh khó khăn. Gần đây nhất là việc sáp nhập MHB và thực hiện nhiệm vụ kiểm soát đặc biệt Ngân hàng Đông Á.

Ban Kiểm tra và Giám sát BIDV là đơn vị chính trực thuộc Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam được giao nhiệm vụ kiểm tra, giám sát này. Với quy mô hoạt động tương đối lớn (trên 150 chi nhánh cấp 1 và Sở giao dịch). Đầu năm 2015 lại tăng thêm 44 chi nhánh từ việc sáp nhập MHB cùng với việc phải kiểm soát đặc biệt Đông Á Bank, nhiệm vụ kiểm tra, giám sát tín dụng của Ban Kiểm tra và Giám sát BIDV là

hết sức nặng nề. Để đáp ứng được yêu cầu công việc trong giai đoạn mới cần có những điều chỉnh, cải tiến trong công tác giám sát.

Với sự cần thiết đó, học viên thực hiện đề tài “*Hoàn thiện công tác giám sát từ xa hoạt động tín dụng tại Ban Kiểm tra và Giám sát của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam*” nhằm nghiên cứu cơ sở lý luận, thực trạng công tác giám sát từ xa và những giải pháp có thể nâng cao chất lượng công tác giám sát từ xa tại Ban Kiểm tra và Giám sát BIDV.

## **2. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài**

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về công tác giám sát từ xa hoạt động tín dụng của đơn vị thực hiện giám sát với các đơn vị thực hiện nhiệm vụ kinh doanh trong một hệ thống ngân hàng thương mại.

- Phân tích, đánh giá để làm rõ thực trạng công tác giám sát từ xa hoạt động tín dụng tại Ban Kiểm tra và Giám sát của BIDV.

- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện, nâng cao hiệu quả công tác giám sát từ xa hoạt động tín dụng tại Ban Kiểm tra và Giám sát của BIDV.

## **3. Đối tượng, phạm vi và cách tiếp cận nghiên cứu**

- **Đối tượng nghiên cứu:** những vấn đề lý luận và thực tiễn về công tác giám sát từ xa hoạt động tín dụng tại Ban Kiểm tra và Giám sát của BIDV.

- **Phạm vi nghiên cứu:**

+ **Về nội dung:** chỉ đề cập đến công tác giám sát từ xa trong lĩnh vực tín dụng tại Ban Kiểm tra và Giám sát của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

+ **Về không gian:** thực tiễn công tác giám sát từ xa hoạt động tín dụng của Ban Kiểm tra và Giám sát BIDV đối với tất cả các chi nhánh ngân hàng thuộc BIDV trên lãnh thổ Việt Nam.

+ **Về thời gian:** Nghiên cứu chuyên sâu về công tác giám từ xa đối với nghiệp vụ tín dụng tại BIDV từ năm 2012 đến 2014. Đây là thời điểm BIDV chính thức chuyển từ hình thức công ty 100% vốn Nhà nước sang hình thức công ty cổ phần Nhà nước nắm cổ phần chi phối ( ngày 23/4/2012).

#### **4. Phương pháp nghiên cứu**

Sử dụng cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử kết hợp với phương pháp nghiên cứu thống kê, tổng hợp, phân tích... để đưa ra các nhận định, đánh giá cụ thể.

#### **5. Bố cục của luận văn**

Ngoài phần mở đầu và phần kết luận, luận văn được chia làm 3 chương, cụ thể:

Chương 1: Cơ sở lý luận về giám sát từ xa hoạt động tín dụng của Ngân hàng Thương Mại.

Chương 2: Thực trạng công tác giám sát từ xa hoạt động tín dụng tại Ban Kiểm tra và Giám sát Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Chương 3: Một số giải pháp hoàn thiện công tác giám sát từ xa hoạt động tín dụng tại Ban Kiểm tra và Giám sát của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

## CHƯƠNG 1

### CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ GIÁM SÁT TỪ XA HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

#### 1.1. TÍN DỤNG VÀ RỦI RO TÍN DỤNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

##### 1.1.1. Tín dụng

###### *a. Khái niệm tín dụng*

###### *b. Các nguyên tắc cơ bản của tín dụng ngân hàng:*

- Nguyên tắc quản lý mục đích tiền vay.
- Nguyên tắc hoàn trả.

##### 1.1.2. Rủi ro tín dụng của ngân hàng thương mại

###### *a. Khái niệm rủi ro tín dụng*

Các định nghĩa **Rủi ro tín dụng** khá đa dạng nhưng nhìn chung có thể rút ra các nội dung cơ bản của rủi ro tín dụng như sau:

- Rủi ro tín dụng khi người vay sai hẹn trong thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng bao gồm vốn vay hoặc lãi vay. Sự sai hẹn có thể là thanh toán sai thời gian hẹn hoặc không thanh toán (một phần hoặc toàn bộ).

- Rủi ro tín dụng có thể dẫn đến tổn thất tài chính, tức là giảm thu nhập ròng và giảm giá trị thị trường của vốn. Trong trường hợp nghiêm trọng có thể dẫn đến thua lỗ hoặc thậm chí phá sản.

- Rủi ro là một yếu tố khách quan cho nên rủi ro không thể loại trừ mà chỉ có thể hạn chế sự xuất hiện và tác hại của chúng gây ra.

###### *b. Phân loại rủi ro tín dụng*

Có nhiều cách để phân loại rủi ro tín dụng.

Căn cứ vào nguyên nhân phát sinh rủi ro có thể chia rủi ro tín dụng thành 02 loại: Rủi ro danh mục và rủi ro giao dịch.

###### *c. Nguyên nhân của rủi ro tín dụng*

- **Nguyên nhân khách quan:** Môi trường tự nhiên, môi trường pháp lý, môi trường kinh tế, môi trường thông tin.

- *Nguyên nhân chủ quan:* từ phía khách hàng vay, từ phía ngân hàng, từ phía các bảo đảm tín dụng

*d. Hậu quả của rủi ro tín dụng:*

- *Đối với ngân hàng*

- *Đối với khách hàng*

- *Đối với nền kinh tế - xã hội*

## **1.2. HOẠT ĐỘNG THANH TRA GIÁM SÁT TẠI NGÂN HÀNG**

**1.2.1. Chức năng, nhiệm vụ, vai trò của thanh tra giám sát.**

*a. Chức năng và nhiệm vụ của thanh tra giám sát ngân hàng*

*b. Vai trò của thanh tra giám sát tại ngân hàng:*

**1.2.2. Các phương thức thanh tra giám sát**

*a. Thanh tra tại chỗ*

*b. Giám sát từ xa*

*c. Mối quan hệ giữa hai phương thức*

## **1.3. CÔNG TÁC GIÁM SÁT TỪ XA HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG CÁC CHI NHÁNH NGÂN HÀNG TẠI ĐƠN VỊ KIỂM TRA GIÁM SÁT THUỘC NGÂN HÀNG.**

**1.3.1. Khái niệm công tác giám sát từ xa hoạt động tín dụng.**

Công tác giám sát từ xa hoạt động tín dụng là việc các tổ chức, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ giám sát tín dụng ở ngay tại trụ sở của mình thực hiện theo dõi, xem xét, đánh giá các hoạt động của tổ chức, đơn vị chịu sự giám sát trong việc chấp hành, thực hiện các quy chế, quy trình, quy định... Hay nói cách khác, công tác giám sát từ xa hoạt động tín dụng:

- Là hoạt động đảm bảo cho việc các quy chế, quy trình, quy định... được thực hiện đúng và có hiệu quả trong thực tế.

- Là hoạt động nhằm phát hiện những bất cập giữa thực tế so với quy chế, quy trình, quy định... đã ban hành nhằm đề xuất các giải pháp và điều chỉnh lại cho phù hợp.

### **1.3.2. Đặc điểm công tác giám sát từ xa hoạt động tín dụng**

### **1.3.3. Vai trò của công tác giám sát từ xa hoạt động tín dụng**

### **1.3.4. Nội dung cơ bản công tác GSTX hoạt động tín dụng**

#### ***a. Xây dựng quy trình giám sát từ xa hoạt động tín dụng***

- Mục đích xây dựng quy trình.
- Nguyên tắc xây dựng quy trình.

#### ***b. Nội dung giám sát từ xa hoạt động tín dụng***

- Giám sát các khoản vay không tuân thủ đúng theo các quy định đặt ra trong chính sách tín dụng.

- Giám sát việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro.

- Phân tích, đánh giá chất lượng tín dụng của từng chi nhánh và toàn hệ thống nhằm xác định những bất hợp lý, rủi ro tiềm ẩn và đề xuất các biện pháp quản lý phù hợp.

- Định kỳ thực hiện rà soát việc tập trung vốn cho một khách hàng hoặc một nhóm khách hàng để đảm bảo phân tán rủi ro.

- Giám sát việc đánh giá lại tại sản đảm bảo theo định kỳ, phân tích mức độ ảnh hưởng do sự thay đổi về giá trị của từng loại tài sản đảm bảo.

- Thông qua việc rà soát các khoản vay xấu và các khoản nợ có vấn đề để xác định các điểm yếu trong quá trình phê duyệt và giám sát khoản vay tại chi nhánh đề xuất cải tiến quy trình cho phù hợp.

- Giám sát kết quả khắc phục các tồn tại, sai sót, sai phạm trong hoạt động tín dụng do các đoàn kiểm tra thực hiện hoặc tự kiểm tra của chi nhánh.

#### ***c. Công tác giám sát từ xa hoạt động tín dụng***

- Thu thập dữ liệu: Các dữ liệu phải thu thập phục vụ cho giám sát có thể lấy từ các nguồn sau: (i)Dữ liệu thô từ hệ thống. (ii)Các báo cáo đơn vị được giám sát gửi. (iii)Các báo cáo của các bộ phận có liên quan. (iv)Các văn bản chỉ đạo điều hành của các cấp lãnh đạo. (v)Các thông tin thu thập từ bên ngoài có ích cho việc giám sát (ví dụ như



thông tin từ báo chí, mạng internet, thông tin khai thác từ nội bộ các đơn vị được giám sát...)

- Tổng hợp và xử lý dữ liệu: Có thể tổng hợp và xử lý dữ liệu bằng phương pháp thủ công hoặc sử dụng các phần mềm chuyên dụng. Dữ liệu phải được tổng hợp, xử lý theo góc độ phục vụ giám sát.

- Phân tích kết quả xử lý dữ liệu: Cần nắm bắt và làm rõ các nội dung sau: (i)Nhận xét thực tế tình hình, xu hướng biến động của hoạt động tín dụng. (ii)Đánh giá được độ chính xác, tin cậy của các báo cáo do đơn vị được giám sát lập. (iii) Điều chỉnh các chỉ tiêu trên báo cáo theo kết quả phân tích dữ liệu giám sát. (iv)Nhận định các dấu hiệu sai phạm, bất thường.

- Phối hợp đối chiếu với công tác kiểm tra trực tiếp, đối chiếu lại thông tin với đơn vị chịu sự giám sát.

- Cập nhật, bổ sung thông tin cho báo cáo giám sát: Chỉnh sửa các thông tin có sự thay đổi, cập nhật bổ sung các thông tin mới vào báo cáo giám sát. Hoặc lập mới báo cáo giám sát đối với các đơn vị mới thực hiện giám sát lần đầu theo các mẫu biểu báo cáo GS đã được xây dựng.

- Xác định những yêu cầu cần thực hiện đối với đơn vị được giám sát. Đưa ra các đề xuất, kiến nghị.

- Giám sát việc thực hiện các đề xuất, kiến nghị:.

- Đề xuất thay đổi, chỉnh sửa, ban hành các quy chế, quy trình, quy định cho phù hợp với thực tiễn.

#### ***d. Kiểm soát lại kết quả giám sát từ xa hoạt động tín dụng***

Công tác giám sát từ xa hoạt động tín dụng thông thường được kiểm tra, đánh giá lại thông qua: (i)Phản hồi của các đơn vị chịu sự giám sát. (ii)Lồng ghép vào công tác kiểm tra trực tiếp để đối chiếu, đánh giá kết quả giám sát. (iii)Các bộ phận quản lý rủi ro tác nghiệp, chịu trách nhiệm giám sát lại.

#### ***e. Phương pháp giám sát***

### **1.3.5. Tiêu chí đánh giá kết quả giám sát từ xa**

#### ***a. Tiêu chí định lượng***

(i) Tần xuất thực hiện báo cáo giám sát. (ii) Tỷ lệ dư nợ các khoản vay được giám sát so với tổng dư nợ. (iii) Số lượng những sai phạm trọng yếu hoặc những vấn đề cần khắc phục, bổ sung, chỉnh sửa được phát hiện qua giám sát. (iv) Tỷ lệ chính xác của các sai sót, vi phạm phát hiện qua giám sát so với kết quả kiểm tra trực tiếp. (v) Số lượng vụ việc phát sinh thực tế được cảnh báo so với số lượng vụ việc được cảnh báo.

(vi) Kết quả khắc phục các tồn tại, sai phạm trong hoạt động tín dụng được phát hiện qua kiểm tra trực tiếp và giám sát từ xa đưa ra. (vii) Số lượng đề xuất, kiến nghị của đơn vị thực hiện giám sát với cấp có thẩm quyền về sự bất cập của quy chế, quy trình, quy định với thực tiễn hoạt động của các đơn vị được giám sát. (viii) Số lượng cảnh báo rủi ro có thể xảy ra xuất phát từ lỗ hổng trong quy trình, quy định về tín dụng.

#### ***b. Tiêu chí định tính***

(i) Việc xác định mục đích, yêu cầu của giám sát từng thời kỳ. (ii) Việc xây dựng kế hoạch, xác định nội dung, phương pháp tiến hành giám sát. (iii) Việc phân công, tổ chức thực hiện giám sát. (iv) Tính chính xác, đầy đủ trong việc đánh giá thực trạng hoạt động tín dụng của đơn vị giám sát tại thời điểm thực hiện giám sát. (v) Kết quả phát huy ưu điểm, sửa chữa sai sót, khuyết điểm của các đơn vị được giám sát thông qua giám sát từ xa. (vi) Tác động và tác dụng của giám sát đối với hoạt động tín dụng tại đơn vị được giám sát.

### **1.3.6. Các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả giám sát từ xa**

#### ***a. Các nhân tố bên ngoài***

#### ***b. Các nhân tố bên trong***

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 1**

Trong chương 1, tác giả đã tổng hợp, khái quát cơ sở lý luận về công tác giám sát từ xa hoạt động tín dụng tại một NHTM.

## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIÁM SÁT TỪ XA HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG TẠI BAN KIỂM TRA VÀ GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

#### 2.1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ NGÂN HÀNG TMCP ĐT&PT VIỆT NAM

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam

2.1.2. Cơ cấu tổ chức của NH TMCP ĐT&PT Việt Nam

2.1.3. Tình hình hoạt động tín dụng

#### 2.2. GIỚI THIỆU VỀ BAN KIỂM TRA VÀ GIÁM SÁT

2.2.1. Lịch sử ra đời

2.2.2. Mô hình tổ chức của Ban Kiểm tra và Giám sát

a. Mô hình từ 11/2007 trở về trước (*KTNB bố trí tại chi nhánh*)

b. Mô hình hiện nay (*Kiểm tra, giám sát tập trung tại HSC*)

2.2.3. Chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm tra và Giám sát

#### 2.3. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIÁM SÁT TỪ XA HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG TẠI BAN KIỂM TRA VÀ GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

2.3.1. Quy trình giám sát từ xa hoạt động tín dụng tại Ban Kiểm tra và Giám sát của BIDV

Hiện nay, quy trình giám sát từ xa thực hiện tại Ban Kiểm tra và Giám sát bao gồm 05 bước như sau: Thu thập thông tin giám sát. Đánh giá, phân tích thông tin giám sát. Lập báo cáo tổng hợp giám sát. Trình duyệt kết quả giám sát. Triển khai thực hiện ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

*Nhìn chung, quy trình giám sát từ xa hiện tại chỉ nêu một cách khái quát các bước cần thực hiện. Các bước trong quy trình chủ yếu phục vụ cho công tác lập và báo cáo kết quả giám sát. Các nội dung công tác trước và sau thực hiện báo cáo giám sát chưa được chú trọng, chưa được quy định cụ thể bằng văn bản.*

### **2.3.2. Thực trạng công tác giám sát từ xa hoạt động tín dụng**

#### **a. Nội dung giám sát:**

(i) Giám sát tình hình thực hiện các kế hoạch về tín dụng. (ii) Giám sát công tác thanh tra kiểm tra và việc khắc phục các kiến nghị trong hoạt động tín dụng của chi nhánh. (iii) Giám sát công tác kiểm tra nội bộ trong hoạt động tín dụng tại các đơn vị. (iv) Giám sát nhận diện cảnh báo một số rủi ro trọng yếu trong hoạt động tín dụng:

*Nội dung giám sát đã bao quát được tất cả các mặt nghiệp vụ. Đã nêu rõ cụ thể một số công việc cần thực hiện trong công tác giám sát tín dụng. Tuy nhiên chưa có văn bản triển khai nào hướng dẫn rõ cơ sở để đánh giá kết quả thực hiện, chưa có tiêu chí để đánh giá chất lượng, hiệu quả công việc của cán bộ.*

#### **b. Thực trạng công tác tổ chức giám sát**

**Bảng 2.2: Bảng tổng hợp số lượng cán bộ và chi nhánh giám sát**

<b>STT</b>	<b>Bộ phận</b>	<b>Số cán bộ thực hiện giám sát</b>	<b>Số lượng chi nhánh quản lý</b>	<b>Số CN/ 01 cán bộ</b>
1	KTGS KV1	13	40	3,08
2	KTGS KV2	11	48	4,36
3	KTGS KV3	14	48	3,43
4	KTGS KV4	12	58	4,83
<b>Tổng cộng</b>		<b>50</b>	<b>194</b>	<b>3,88</b>

### ***c. Công tác thực hiện giám sát***

- Thu thập dữ liệu.

- Tổng hợp, xử lý và phân tích kết quả xử lý dữ liệu: thực tế trong thời gian qua, về chất lượng của các nguồn dữ liệu, ngoài dữ liệu gốc và thông tin vắn tin trên hệ thống SIBS, các nguồn thông tin khác độ tin cậy rất thấp cũng như ít phù hợp cho mục đích giám sát. BIDV cũng chưa xây dựng được chương trình nào hoàn thiện và chính thức để phục vụ công tác giám sát tín dụng cho nên công tác tổng hợp và xử lý dữ liệu chủ yếu tự mỗi cán bộ phải thực hiện thủ công. Việc này tốn rất nhiều thời gian hơn nữa độ chính xác không cao. Mỗi cán bộ lại chỉ thực hiện những nội dung mà mình nắm bắt chuyên sâu, không bao quát được tất cả các nội dung cần giám sát. Năm 2014, Ban có đưa vào sử dụng "Chương trình tổng hợp và phân tích dữ liệu" do Ban tự thực hiện. Tuy nhiên chỉ mới dừng lại ở việc phân tích dữ liệu tại một thời điểm cũng như chưa thực hiện được bao quát tất cả các nội dung như yêu cầu của quy chế giám sát.

- Đối chiếu với chi nhánh thông qua cán bộ tại bộ phận quản lý rủi ro của chi nhánh: trên cơ sở các kết quả có được từ tổng hợp và xử lý dữ liệu, cán bộ hỗ trợ yêu cầu chi nhánh giải trình các nội dung nghi vấn, các dấu hiệu sai phạm phát hiện.

- Cập nhật, bổ sung thông tin báo cáo giám sát: cán bộ giám sát thực hiện đánh giá chung tình hình hoạt động của các đối tượng được phân công giám sát về các mặt: thực hiện chỉ đạo điều hành, tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh trong kỳ... những thuận lợi, khó khăn trong kỳ báo cáo. Đưa ra được cảnh báo, nhận diện rủi ro tiềm ẩn liên quan đến đối tượng được giám sát trong nghiệp vụ tín dụng. Nhận xét,

đánh giá, kiến nghị: nêu rõ những mặt tích cực; những tồn tại hạn chế; nêu ra các đánh giá độc lập, khách quan, ý kiến cảnh báo phòng ngừa rủi ro.

- Trình duyệt kết quả giám sát: Trên cơ sở kết quả giám sát, định kỳ Ban Kiểm tra và Giám sát lập tờ trình Hội đồng quản trị phê duyệt kết quả giám sát. Tham mưu, đề xuất các giải pháp chỉ đạo chấn chỉnh những tồn tại, tổ chức kiểm tra, kiến nghị cảnh báo đối với đối tượng được giám sát,...

- Triển khai thực hiện ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị: Trên cơ sở phê duyệt của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm tra và Giám sát tham mưu soạn thảo văn bản chỉ đạo, bao gồm: nội dung triển khai, đối tượng thực hiện, thời gian hoàn thành. Tổng hợp, báo cáo Hội đồng quản trị kết quả thực hiện sau triển khai.

#### ***d. Kiểm soát lại kết quả giám sát từ xa***

- Đối chiếu, giải trình của chi nhánh được giám sát về các nội dung trong báo cáo giám sát.

- Kết quả kiểm tra lại các kết luận giám sát lồng ghép trong các đợt kiểm tra trực tiếp chi nhánh.

- Bộ phận Giám sát tổng hợp tại Ban thực hiện tổng hợp kết quả giám sát đồng thời có nhiệm vụ kiểm tra, xác nhận lại các thông tin, kết quả giám sát.

- Đánh giá của lãnh đạo Ban về kết quả giám sát trên cơ sở đối chiếu với tình hình phát sinh thực tế so với các cảnh báo, các đề xuất, kiến nghị thực hiện qua giám sát.

- Ban quản lý rủi ro tác nghiệp và Ban Kiểm soát HĐQT (trực thuộc Đại Hội đồng cổ đông) chịu trách nhiệm giám sát và đánh giá kết quả thực hiện công tác giám sát tín dụng của Ban Kiểm tra và Giám sát.

### **2.3.3. Kết quả công tác giám sát từ xa hoạt động tín dụng tại Ban Kiểm tra và Giám sát của NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

#### ***a. Đánh giá kết quả giám sát từ xa hoạt động tín dụng tại Ban Kiểm tra và Giám sát của BIDV theo các tiêu chí định lượng***

- Tần xuất thực hiện báo cáo giám sát

***Bảng 2.3: Bảng tần xuất thực hiện báo cáo giám sát***

<b>Năm</b>	<b>B/cáo tháng</b>	<b>B/cáo Quý</b>	<b>B/cáo 06 tháng</b>	<b>B/cáo năm</b>
2012	Không	Không	Có	Có
2013	Không	Có	Có	Có
2014	Có	Có	Có	Có

- Tỷ lệ dư nợ các khoản vay được giám sát so với tổng dư nợ: trong những năm qua, việc giám sát tín dụng tại Ban chủ yếu thực hiện đối với các khách hàng (nhóm khách hàng) có dư nợ lớn trên 10 tỷ đồng hoặc các khách hàng cần lưu ý được đề xuất qua các cuộc kiểm tra nên thực tế tổng dư nợ được giám sát thường xuyên đạt tỷ lệ rất thấp so với tổng dư nợ của toàn hệ thống. Nguyên do là hiện tại chưa có phần mềm chuyên dụng phục vụ cho giám sát. Số lượng khách hàng của BIDV là cực kỳ lớn nên với số lượng cán bộ có hạn, việc giám sát thủ công chỉ thực hiện được ở một mức độ nhất định.

- Số lượng những sai phạm trọng yếu hoặc những vấn đề cần khắc phục, bổ sung, chỉnh sửa được phát hiện qua giám sát.

+ Năm 2012: 155      + Năm 2013: 227      + Năm 2014: 305

- Tỷ lệ chính xác của các sai sót, vi phạm phát hiện qua giám sát so với kết quả kiểm tra trực tiếp: gần như tuyệt đối.

- Số lượng vụ việc phát sinh thực tế được cảnh báo so với số lượng vụ việc được cảnh báo: công tác chấn chỉnh và khắc phục sau thanh tra giám sát tại BIDV được đặc biệt chú trọng. Trên cơ sở các sai sót, vi phạm phát hiện qua công tác giám sát, Ban Kiểm tra và Giám sát đã kịp thời báo cáo và có văn bản yêu cầu các chi nhánh chấn chỉnh, khắc phục kịp thời nên trong những năm qua hầu như các sai phạm phát hiện qua giám sát đều không để phát sinh rủi ro thực tế.

- Kết quả khắc phục các tồn tại, sai phạm trong hoạt động tín dụng được phát hiện qua kiểm tra trực tiếp và giám sát từ xa đưa ra.

**Bảng 2.5: Tổng hợp kết quả kiểm tra và khắc phục**

<b>Năm</b>	<b>Số lượt kiểm tra</b>	<b>Số sai sót, kiến nghị</b>	<b>Đã khắc phục ngay trong năm</b>	<b>Tỷ lệ khắc phục trong năm</b>
2012	63	4.364	4.059	93,01%
2013	79	6.215	5.876	94,55%
2014	88	4.735	4.389	92,69%

- Đề xuất, kiến nghị của đơn vị thực hiện giám sát với cấp có thẩm quyền về sự bất cập của quy chế, quy trình, quy định với thực tiễn hoạt động của các đơn vị được giám sát: trong những năm qua, hoạt động giám sát đã có nhiều đóng góp cho việc hoàn thiện quy trình, quy định trong hoạt động tín dụng của BIDV. Thông qua kết quả giám sát, từ năm 2012 đến nay Ban đã trên 10 lần có văn bản trực tiếp đề xuất, kiến nghị thay đổi, chỉnh sửa nhiều điểm trong quy trình, quy định đối với tín dụng cả bán buôn, bán lẻ. Ngoài ra Ban cũng đã thường xuyên tham



gia đóng góp nhiều ý kiến có chất lượng, kịp thời với Ban pháp chế khi ban hành quy trình, quy định, đảm bảo các văn bản ban hành ngày càng sát với thực tiễn hoạt động, có thể triển khai thực hiện.

- Số lượng cảnh báo rủi ro có thể xảy ra xuất phát từ các lỗ hổng trong quy trình, quy định về tín dụng: Mặc dù chưa được chú trọng thực hiện, tuy nhiên trong những năm qua Ban cũng đã có những đóng góp nhất định trong việc cảnh báo các lỗ hổng trong quy trình, quy định về tín dụng. Thông qua giám sát, đã có những cảnh báo trong việc lợi dụng chính sách khách hàng, quy định về tài sản đảm bảo, tiền gửi... để lách các quy định trong hoạt động tín dụng. Từ đây có thể phát sinh nhiều rủi ro, ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động chung của chi nhánh và toàn hệ thống.

***b. Đánh giá kết quả giám sát từ xa hoạt động tín dụng tại Ban Kiểm tra và Giám sát của BIDV theo các tiêu chí định tính***

- Việc xác định mục đích, yêu cầu của giám sát trong từng thời kỳ: chỉ mới dừng lại ở mức thực hiện rà soát những sai phạm đã có phát sinh có tồn tại ở những chi nhánh khác hay không chứ chưa đạt đến mức có thể cảnh báo trước, ngăn chặn các sai sót có thể xảy ra.

- Việc xây dựng kế hoạch, xác định nội dung, phương pháp tiến hành giám sát: Hiện tại Ban Kiểm tra và Giám sát chưa thực hiện tốt tiêu chí này. Ban đã ban hành nhiều văn bản có liên quan tuy nhiên vẫn chưa cụ thể được nội dung, phương pháp giám sát. Cách thức nêu ra chưa phù hợp với thực tiễn nên các văn bản thường không được nghiêm túc triển khai thực hiện.

- Việc phân công, tổ chức thực hiện giám sát: hệ thống giám sát các mặt hoạt động nói chung và công tác tín dụng nói riêng tại BIDV được

xây dựng cụ thể hàng năm và thực hiện thường xuyên hàng tháng, phân theo 3 khu vực ( Bắc, Trung, Nam) do các Bộ phận Kiểm tra- Giám sát các khu vực này phụ trách. Mỗi phòng lại có những phân công cụ thể cho một cán bộ phụ trách từ 4-5 Chi nhánh. Qua việc phân tích dữ liệu thô kết hợp với kết quả kiểm tra, giám sát và các thông tin khác từ đơn vị thành viên, cán bộ thực hiện công tác này sẽ đưa ra những đánh giá những tiềm ẩn rủi ro và đưa ra các kết luận đề nghị các đơn vị thực hiện chấn chỉnh và rút kinh nghiệm. Nhìn chung công tác phân công, tổ chức thực hiện giám sát đã được thực hiện tốt, đáp ứng được yêu cầu công việc trong thời gian qua.

- Tính chính xác, đầy đủ trong việc đánh giá thực trạng hoạt động tín dụng của đơn vị được giám sát tạo thời điểm thực hiện giám sát: do năng lực của từng cán bộ; Ban chưa xây dựng được nội dung, hệ thống chỉ tiêu giám sát cụ thể cũng như thiếu các công cụ hỗ trợ giám sát nên độ chính xác trong việc đánh giá thực trạng hoạt động tín dụng chưa cao; mỗi cán bộ chỉ thực hiện một số nội dung mà mình có kinh nghiệm do đó không thể nắm bắt được tất cả tình hình của chi nhánh mình giám sát.

- Kết quả phát huy ưu điểm, sửa chữa sai sót, khuyết điểm của các đơn vị được giám sát thông qua giám sát từ xa: cán bộ phân công hỗ trợ trực tiếp chi nhánh đã trao đổi trực tiếp với chi nhánh, đưa ra những cảnh báo, khuyến cáo. Các sai sót, vi phạm đã được chi nhánh rà soát kịp thời và khắc phục. Góp phần hạn chế được các rủi ro, thất thoát trong hoạt động tín dụng.

- Tác động và tác dụng của giám sát đối với hoạt động tín dụng tại đơn vị được giám sát: công tác giám sát từ xa hiện tại đã có tác động rất

lớn đối với hoạt động tín dụng tại các đơn vị được giám sát. Là một công cụ quản trị của BIDV nói chung và hỗ trợ kiểm soát lại đối với chi nhánh. Nó góp phần phát hiện sai sót đã xảy ra để khắc phục, ngăn ngừa rủi ro đạo đức của cán bộ, nâng cao chất lượng tín dụng tại chi nhánh được giám sát.

## **2.4. ĐÁNH GIÁ CHUNG CÔNG TÁC GIÁM SÁT TỪ XA HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG**

### **2.4.1. Một số kết quả đạt được**

Đến thời điểm hiện tại, về cơ bản Ban đã thực hiện giám sát từ xa thường xuyên tất cả các chi nhánh trong hệ thống.

Chất lượng công tác giám sát từ xa đối với các đơn vị đã được cải thiện và có hiệu quả thiết thực, phục vụ kịp thời công tác cảnh báo rủi ro và kiểm tra trực tiếp.

Hoạt động giám sát của Ban đã đi vào nề nếp và từng bước phát huy hiệu quả.

Góp phần nâng cao nhận thức trong hoạt động tín dụng của chi nhánh. Góp phần hạn chế các sai phạm tại các chi nhánh được giám sát.

Giám sát từ xa đã thực sự trở thành một công cụ để kiểm soát rủi ro trong hoạt động tín dụng toàn hệ thống.

Công tác giám sát từ xa đã góp phần định hướng cho hoạt động kiểm tra trực tiếp tại các chi nhánh.

### **2.4.2. Các hạn chế**

- Chưa giành thời gian phù hợp, thích đáng cho việc nghiên cứu, đúc kết thực tiễn để tham gia vào công tác chỉnh sửa quy chế quy trình.

- Trong công tác giám sát theo quy chế 1620 chất lượng chưa đạt yêu cầu: Phần mềm hỗ trợ lấy số liệu còn bất cập, Công tác thu thập

thông tin của cán bộ còn chưa sâu, các mẫu biểu lập báo cáo định kỳ của chi nhánh, của khu vực và toàn hệ thống còn chưa thống nhất...

- Trong lập báo cáo giám sát: về các nội dung tổng hợp lỗi, kiến nghị trong biên bản còn chưa thống nhất...

- Việc nhận diện và cảnh báo rủi ro còn nhiều hạn chế.

- Nội dung giám sát và xử lý dữ liệu hiện tại chỉ dừng lại ở mức tổng hợp báo cáo số liệu. Chưa phân tích dưới góc độ giám sát.

- Báo cáo giám sát chủ yếu báo cáo theo các nội dung đã đề xuất qua kiểm tra, theo dõi xử lý các vụ việc đã phát sinh.

- Việc giám sát chỉ mới thực hiện ở các khách hàng lớn (tỷ lệ dư nợ được giám sát chưa cao so với tổng dư nợ).

- Chưa giám sát được tài sản đảm bảo tiền vay về các mặt pháp lý, chất lượng, giá trị...

### **2.4.3. Nguyên nhân của hạn chế**

#### ***a. Quy trình, quy định vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện***

- Chưa cụ thể các nội dung cần giám sát.

- Chưa hoàn chỉnh được hệ thống chỉ tiêu, mẫu biểu để thực hiện.

- Chưa xây dựng được sở tây hướng dẫn giám sát => chưa có khung chuẩn để cụ thể hóa công việc.

- Chưa có quy định cụ thể về trách nhiệm đối với cán bộ trong công tác giám sát, chưa xây dựng được tiêu chí đánh giá kết quả giám sát chi nhánh của từng cán bộ.

#### ***b. Nhân sự***

- Chưa đảm bảo cả về mặt số lượng và chất lượng.

- Chất lượng đội ngũ cán bộ chưa đồng đều.

- Chưa coi trọng công tác đào tạo cán bộ.

### ***c. Công tác tổ chức thực hiện giám sát***

- Chưa thật sự chú trọng đến công tác giám sát (khi làm, khi không) thường ưu tiên giải quyết các công việc khác trước.

- Cơ chế phối hợp giữa Ban Kiểm tra và Giám sát với các chi nhánh cũng như với các Ban khác chưa được thực hiện tốt.

- Chưa giao quyền đủ mạnh cho Ban Kiểm tra và Giám sát để tăng hiệu lực đối với các sai phạm mà cán bộ giám sát phát hiện cũng như các kiến nghị mà cán bộ giám sát đưa ra.

- Việc xử lý dữ liệu chủ yếu bằng tay nên thường có nhiều sai sót. Chưa xây dựng được chương trình xử lý dữ liệu phục vụ giám sát. Các công cụ nhận diện và đo lường rủi ro tín dụng vẫn đang trong giai đoạn thử nghiệm chưa triển khai áp dụng được.

- Công tác thu thập dữ liệu chưa chuẩn hóa được dữ liệu cần lấy. Việc cung cấp dữ liệu của các Ban có liên quan chưa được thực hiện nghiêm túc => rất khó khăn trong công tác thu thập, xử lý dữ liệu.

- Dữ liệu yêu cầu chi nhánh cung cấp chưa thống nhất về nội dung, chưa có quy định bắt buộc.

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 2**

Trong chương 2, luận văn đã làm rõ thực trạng công tác giám sát từ xa hoạt động tín dụng tại Ban Kiểm tra và Giám sát của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Đồng thời đánh giá kết quả công tác giám sát, chỉ ra những mặt đã làm tốt cũng như những hạn chế còn tồn tại. Phân tích, làm rõ nhưng nguyên nhân của tồn tại để làm cơ sở cho những đề xuất khắc phục trong chương 3.

### CHƯƠNG 3

## MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC GIÁM SÁT TỪ XA HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG TẠI BAN KIỂM TRA VÀ GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

### 3.1. ĐỊNH HƯỚNG CÔNG TÁC GIÁM SÁT TỪ XA HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG TẠI BAN KIỂM TRA VÀ GIÁM SÁT ĐẾN NĂM 2018

### 3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC GIÁM SÁT TỪ XA HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG

#### 3.2.1. Hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu, mẫu biểu giám sát tín dụng:

Như đã phân tích ở các chương trên, việc xây dựng và thống nhất các chỉ tiêu giám sát là một trong các nội dung quan trọng, quyết định chất lượng công tác giám sát. Là cơ sở để cán bộ giám sát có các nhận định ban đầu về tình hình hoạt động tín dụng tại chi nhánh. Từ đó cán bộ giám sát tập trung phân tích các mặt yếu mạnh trong công tác tín dụng, xác định các nội dung cần nắm bắt, làm rõ và theo dõi đối với từng chi nhánh.

#### 3.2.2. Xây dựng, chuẩn hóa hệ thống nhận diện, cảnh báo rủi ro

Một trong những nội dung quan trọng để có được kết quả giám sát từ xa tốt là phải có hệ thống nhận diện các rủi ro có thể xảy ra phù hợp.

Hệ thống nhận diện cần được cập nhật một cách thường xuyên để phù hợp với đặc điểm tình hình tín dụng trong từng thời kỳ. Hệ thống nhận diện và cảnh báo liên tục cập nhật sẽ ngày càng đa dạng và bao quát hơn tất cả các loại rủi ro trong công tác tín dụng.

#### 3.2.3. Xây dựng sổ tay giám sát tín dụng

Các nội dung cần đảm bảo để xây dựng sổ tay giám sát tín dụng hoàn chỉnh và có chất lượng là:

- Hướng dẫn một cách chi tiết đầy đủ các nội dung cần giám sát, cách thức tính toán các chỉ tiêu, mẫu biểu cần thực hiện.
- Hướng dẫn cách phân tích các chỉ tiêu tổng hợp được.
- Hướng dẫn cách nhận định các dấu hiệu rủi ro.
- Hướng dẫn cách thu thập các chứng cứ đối với các sai phạm.

### **3.2.4. Xây dựng chương trình tổng hợp và phân tích dữ liệu phục vụ kiểm tra và giám sát**

Đề xuất xây dựng chương trình tổng hợp và phân tích dữ liệu phục vụ kiểm tra và giám sát qua 3 giai đoạn với những nội dung như sau:

#### ***a. So sánh, phân tích dữ liệu 1 chi nhánh tại 1 thời điểm***

Trên cơ sở các nguồn dữ liệu xây dựng chương trình kết xuất tự động hệ thống các chỉ tiêu, mẫu biểu phục vụ cho công tác giám sát như đã xây dựng trên.

Phân tích dữ liệu và đưa ra danh sách các khách hàng có các dấu hiệu cần cảnh báo như: khách hàng cho vay bất buộc; khách hàng nghi ngờ phân loại nợ sai, khách hàng thiếu TSĐB; khách hàng nợ lãi cao; khách hàng quá hạn, gia hạn nợ; khách hàng nợ lãi trên 90, 360 ngày; khách hàng thế chấp tài sản là hàng tồn kho lớn; khách hàng có dấu hiệu thuộc nhóm khách hàng liên quan;...

#### ***b. So sánh, phân tích dữ liệu 1 chi nhánh theo thời gian***

Thực hiện phân tích toàn bộ dữ liệu của một chi nhánh trong thời gian dài nhằm phân tích diễn biến hoạt động kinh doanh của chi nhánh, đưa ra các cảnh báo liên quan đến chi tiết quan hệ của các khách hàng vay tại chi nhánh. Từ đó có thể đánh giá được tổng thể tình hình của chi nhánh cũng như chi tiết đến lịch sử quan hệ của các khách hàng tại chi nhánh

#### ***c. So sánh, phân tích dữ liệu toàn hệ thống theo thời gian***

Thực hiện phân tích dữ liệu toàn hệ thống, từ đây có thể phân tích tổng thể tình hình hoạt động kinh doanh của cả hệ thống, mối quan hệ

liên quan của các khách hàng cũng như các chi nhánh trong hệ thống. Tiến tới xây dựng chức năng thực hiện báo cáo giám sát tự động. Có thể báo cáo sơ bộ các nội dung theo yêu cầu giám sát.

### **3.2.5. Hoàn thiện mô hình tổ chức giám sát. Hoàn thiện quy trình, quy định về giám sát từ xa**

Xác định lại chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận trong Ban tại các khu vực phù hợp hơn.

Phân chia lại địa bàn quản lý của từng khu vực, đảm bảo công việc được phân bổ phù hợp nhân lực tại từng bộ phận, tránh tập trung quá nhiều ở một bộ phận.

Tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện các quy trình, quy định trong giám sát. Đảm bảo khả năng triển khai thực hiện. Đáp ứng tốt được yêu cầu quản lý trong giai đoạn mới.

### **3.2.6. Phát triển đội ngũ cán bộ cả về chất lượng và số lượng. Tăng cường công tác đào tạo đối với các cán bộ được giao nhiệm vụ giám sát**

- Rà soát, đánh giá lại toàn diện đội ngũ cán bộ tại Ban.
- Lên kế hoạch và đề xuất với Hội đồng quản trị cho phép tuyển dụng nhân sự mới.
- Xây dựng chiến lược đào tạo, bồi dưỡng cán bộ..
- Cần chú trọng đào tạo đội ngũ kế cận..

### **3.2.7. Tăng cường sự phối hợp với các Ban có liên quan cũng như các Chi nhánh trong công tác giám sát từ xa hoạt động tín dụng**

Công tác giám sát từ xa hoạt động tín dụng yêu cầu rất nhiều thông tin liên quan cần phải thường xuyên được cập nhật. Hiện nay việc phối hợp, trao đổi thông tin chưa được chú trọng và chưa có quy định bắt buộc cho việc này.

### **3.2.8. Kết hợp chặt chẽ giám sát từ xa và kiểm tra tại chỗ**



Hoạt động giám sát từ xa sẽ có hiệu quả cao nếu có sự kết hợp chặt chẽ với thanh tra tại chỗ. Giám sát từ xa được xem như là một nguồn thông tin đầu vào cho kiểm tra tại chỗ và kiểm tra tại chỗ xác định lại tính chính xác và phù hợp của kết quả giám sát từ xa.

### **3.2.9. Hoàn thiện về cơ chế xử lý trách nhiệm đối với các sai phạm phát hiện qua giám sát, thiết lập chế tài thưởng phạt đủ sức răn đe và khuyến khích đối với các cán bộ giám sát cũng như các đối tượng được giám sát**

Đây là một công cụ quan trọng góp phần nâng cao chất lượng giám sát từ xa. Các sai phạm phát hiện qua giám sát đảm bảo phải được xử lý, chấn chỉnh nhằm nâng cao hiệu quả của công tác giám sát.

Xử lý nghiêm những hành vi làm sai lệch thông tin, số liệu giám sát từ xa; có hình thức xử lý thích hợp đối với các trường hợp không thực hiện đúng, kịp thời nhiệm vụ được giao làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động giám sát từ xa. Thiết lập cơ chế thưởng phạt đủ sức răn đe nhằm nâng cao ý thức của cán bộ giám sát cũng như các đơn vị được giám sát. Đảm bảo các nội dung, yêu cầu giám sát được thực hiện đầy đủ với chất lượng cao đồng thời kết quả giám sát gắn liền với sự thay đổi tích cực cụ thể trong hoạt động tín dụng tại các chi nhánh.

#### **3.2.10. Một số giải pháp hỗ trợ khác**

- Phát triển hệ thống trao đổi thông tin.
- Có cơ chế đãi ngộ phù hợp để giữ được cán bộ giỏi.
- Trang bị đầy đủ phương tiện hiện đại đảm bảo cho hoạt động giám sát đạt hiệu quả...

## **3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

### **3.3.1. Với Ngân hàng Nhà nước**

### **3.3.2. Với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

## KẾT LUẬN

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, luận văn đã hoàn thành được những nhiệm vụ nghiên cứu sau:

- Hệ thống hóa một số vấn đề cơ bản về cơ sở lý luận trong công tác giám sát từ xa hoạt động tín dụng.

- Phân tích, đánh giá thực trạng công tác giám sát từ xa hoạt động tín dụng tại Ban Kiểm tra và Giám sát của BIDV. Qua đó thấy được những ưu điểm và hạn chế cũng như chỉ ra được nguyên nhân của những hạn chế.

- Đề xuất hệ thống giải pháp nhằm hoàn thiện công tác giám sát từ xa hoạt động tín dụng.

Giám sát từ xa hoạt động tín dụng vấn đề phức tạp, rất khó để nghiên cứu một cách đầy đủ và chuẩn xác. Mặc dù tác giả đã cố gắng tối đa, song cũng không thể nào tránh khỏi thiếu sót và những hạn chế trong nội dung luận văn. Rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy giáo, cô giáo, cũng như những ai quan tâm đến vấn đề này để tác giả tiếp tục hoàn thiện công trình nghiên cứu.

Em xin trân trọng cảm ơn các thầy cô giáo, đặc biệt là PGS.TS Võ Thị Thúy Anh đã tận tình giúp đỡ trong quá trình hoàn thành luận văn.